

HỌC QUỐC-NGŨ

1. Quốc-ngữ là lợi khí truyền thông

Đầu thế kỷ thứ 20, sĩ-phu duy-tân là giới đầu tiên đã sử dụng chữ quốc-ngữ trong việc truyền bá những tư tưởng duy-tân. Các bài ca, bài thơ khuyến khích duy tân và khích động lòng ái quốc đều được viết bằng quốc-ngữ. Các sĩ-phu còn khuyến dân chúng theo học chữ quốc-ngữ và mở các tư thục dạy chữ quốc-ngữ ở cả ba miền Nam, Trung, Bắc.

Các nhà tân trí thức có tân-học, tuy rất rành tiếng Pháp nhưng vẫn dùng tiếng Việt để diễn thuyết, như Bùi Quang Chiêu và Lê Quang Liêm.

Phan Chu Trinh, sau khi ở Pháp về đã diễn thuyết hai lần tại nhà Hội Việt Nam ở Sài Gòn bằng quốc-ngữ về hai đề tài *Đạo Đức và Luân Lý Đông Tây*, và *Quân trị Chủ nghĩa và Dân trị Chủ nghĩa*. Cả hai buổi nói chuyện của ông rất đông người tham dự và hoan nghênh ông.

Phan Bội Châu, mỗi khi được mời diễn thuyết ông đều dùng quốc-ngữ và còn hứa là ông sẽ trau dồi chữ quốc-ngữ cho giỏi hơn lên.

Trong khi đó, chính phủ thuộc địa nhờ các báo bằng quốc-ngữ thông tin cho dân chúng biết các luật lệ nghị định cũng như những thay đổi về chính trị, giáo dục, v.v... Có người lại đề nghị là những người Pháp làm việc ở Việt Nam cũng phải thông thạo quốc-ngữ để làm việc hiệu quả hơn.

Thời đó, ai bắt đầu học quốc-ngữ cũng phải công nhận đó là thứ chữ dễ học vì học chữ mà cũng là tiếng nói của mọi người trong nước, khác với ngày xưa, học chữ Hán là chữ chỉ dùng ở triều đình và trường học. Vì chữ quốc-ngữ dễ học, quốc-ngữ đáng được dùng làm chuyển ngữ để dạy trẻ em bậc tiểu-học vì trẻ em sẽ thu thập nhanh chóng kiến thức phổ thông nhờ quốc-ngữ. Học giả Phạm Quỳnh chủ trương nên dạy quốc-ngữ trong các trường học. Ông nói như sau:

“Một đứa trẻ mới bắt đầu học mà học ngay bằng tiếng ngoại quốc thì không tài nào hiểu được, thành ra trí nó mơ hồ mà chỉ truyền ngoài cửa miệng, vì cái tiếng ngoại quốc ấy không phải là thứ tiếng nó thường nói hằng ngày ở trong gia đình, ở ngoài làng xóm (trừ đem nó ra ở nước ngoài ngay từ khi còn nhỏ tuổi thì không kể). Nay nếu bắt đầu học bằng tiếng nước nhà trong mấy năm thời học gì hiểu nấy, trí khôn nó mỗi ngày một vỡ vạc ra, đến khi thông thông rồi mới học tiếng ngoại quốc, thời học vừa dễ vừa mau.” (*Nam Phong*, 9/1924)

Ngoài yếu tố quốc-ngữ dễ học, còn yếu tố hoàn cảnh: trẻ em phần nhiều ở thôn quê, nhà nghèo, phải phụ giúp cha mẹ làm việc mới đủ nuôi gia đình, cho nên trẻ em thường không đi học được lâu. Trong một thời gian đi học ngắn ngủi, học trò phải học một thứ tiếng ngoại ngữ, không hiểu được lời thầy giảng thì học không ích gì.

Trong một bản điều trần gửi chính phủ thuộc địa đăng trong *Nam Phong*, 11-12/1931, chí sĩ Dương Bá Trạc, đã đề nghị chính phủ Pháp ấn định thể thức và qui tắc rõ ràng cho việc dạy quốc-văn. Những đề nghị của ông như sau:

- cho người soạn sách bằng quốc-văn đủ các trình độ đủ các môn học
- mở các lớp sư phạm tốc hành dạy quốc-văn và kiến thức về sư phạm cho các thầy cô giáo tương lai
- những người tốt nghiệp lớp sư phạm có thể thành lập các trường tư bậc sơ-học tiểu-học mà không phải xin phép

Ông tin rằng chỉ khi nào có sách quốc-văn, có đủ thầy dạy quốc-văn, có thêm nhiều trường học dạy quốc-văn thì mọi thanh thiếu niên trong nước mới có thể mau chóng lĩnh hội được kiến thức phổ thông căn bản.

2. Học quốc-ngữ là chuẩn bị cho tương lai văn học của đất nước

Quốc-ngữ và quốc-văn liên hệ mật thiết với nhau. Quốc-ngữ là nguyên liệu để thành lập ngôi nhà văn học. Trong gần cả ngàn năm dùng chữ Hán làm chữ viết, các tác phẩm văn học đều được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm là một biến thể của chữ Hán. Ngày nay người học quốc-ngữ sẽ biết đọc quốc-văn và mến quốc-văn. Càng đông người đọc quốc-văn, càng đông người viết sách quốc-văn. Chữ quốc-ngữ sẽ thay thế chữ Hán và tác phẩm văn học sẽ dùng toàn quốc-văn.

Tuy nhiên tương lai văn học phát triển mạnh mẽ hay không là do thái độ của người trong nước. Người viết văn phải chọn lựa những chữ thích hợp với trình độ và nội dung bài văn của mình; có tư tưởng nào mới mà xưa nay chưa có thì đặt ra chữ mới để diễn tả tư tưởng đó. Do đó mỗi người viết văn đều có thể đóng góp cho sự nghiệp cộng đồng của chữ quốc-ngữ.

3. Dẫu là tiếng mẹ đẻ, phải học mới thông thạo

“*Bàn về tiếng An-Nam*”, nhà giáo Dương Quảng Hàm nhận xét rằng nước Việt có chữ Việt, nhưng không mấy ai đi học tiếng Việt và không thấy có sách dạy cách dùng tiếng Việt, giải nghĩa chữ và cách đặt câu. Học giả Phạm Quỳnh giải thích tâm lý này của người Việt là do sự hiểu lầm rằng học chữ quốc-ngữ sẽ trở ngại cho việc học tiếng Pháp. Khi xưa người Việt quen học chữ nho, bây giờ thì học chữ Pháp. Cho nên ai cũng nghĩ là đi học thì học chữ nước ngoài, chữ tiếng của mình là tiếng “mẹ đẻ” thì “lọt lòng mẹ đã biết rồi, hà tất phải học, cho nên những nhà có con đi học thấy học bằng quốc-ngữ thì cho là vô dụng; không biết rằng dẫu tiếng nước mình cũng phải học mới thông được, và những điều tri thức thông thường cần dùng ở đời này học bằng tiếng mình lại mau chóng và dễ hiểu biết dường nào. Hai là bởi sự mơ mộng của người mình cho là biết ít nhiều câu tiếng Tây thì có thể đi làm việc tây kiếm tiền ngay được...” (*Mấy sự cải cách trong học giới*, Nam-Phong 9/1924)

Dương Quảng Hàm bảo rằng có học mới biết được nguồn gốc của chữ, hiểu nghĩa của chữ để dùng chữ cho chính xác, nhờ đó câu văn mới hay. Ông nói như sau:

“1/ Vì một thứ tiếng tất có học hành tra xét thì mới biết được cái tiếng nói nguyên ủy ở đâu mà ra, trưởng thành thế nào: vì một tiếng cũng như một người, có cái lịch sử riêng sinh bởi đâu, lớn thế nào, thay hình đổi dạng thế nào (vie des mots), mà có biết thế thời mới biết được minh bạch các nghĩa một tiếng, nghĩa đen, nghĩa bóng.

- Đã biết đúng nghĩa thì mới khỏi dùng những chữ thô tục, những tiếng chắp bậy (là những chữ chắp hai hoặc nhiều chữ lại mà không có nghĩa lý gì) = (mot correct); mới biết “tiếng đúng” = (mot propre): vì trong các tiếng có thể tỏ được một ý tưởng gì, chỉ có một tiếng là thật đúng, chính phải dùng tiếng ấy.

2/ Vì có học thời mới biết cách chắp tiếng thành câu; chắp câu thành đoạn sao cho đúng mẹo = (correction); lại sao cho rõ ràng = (clarté), tự nhiên = (naturel), điều hòa = (harmonie), lúc thì phải bình dị = (simplicité), lúc thì phải hùng hồn = (sublimité), lại có lúc phải giữ mực trung bình = (tempérance).”

(*Bàn về tiếng An-Nam*, Nam-Phong 4/1919)

Như vậy muốn thông thạo một ngôn ngữ, người ta cần phải học mới biết dùng cho hay và chính xác được, nhất là đối với chữ quốc-ngữ là thứ chữ có địa vị quan trọng trong đời sống của chúng ta.

4. Học quốc-ngữ là đào luyện tư cách làm quốc-dân

Phương pháp giáo dục của các trường Pháp-Việt trong vài mươi năm từ khi người Pháp dùng chữ Pháp để dạy trẻ em Việt đã đưa đến những kết quả tai hại. Học giả và nhà chính trị Phạm Quỳnh, một người theo Tây-học, cũng đã có nhận xét về hậu quả tiêu cực của chương trình học bằng tiếng Pháp. Ông viết rằng: “ (...) cứ nhìn ngay bọn thiếu niên ta ngày nay, lấy những hạng đã tốt nghiệp tiểu học trung học chỉ gian, từ thuở nhỏ chỉ học chữ Pháp, không tập quốc âm, có phải phần nhiều người coi như ngọc như ngọc, như người ở xứ nào đem lại, đứng với người đồng loại mình mà không biết nói năng giao tiếp thế nào, hình như không phải là giống người An-Nam nữa! Đây, cái kết quả đã rành rành ra đây, còn phải mong mỗi xa xôi gì nữa. Hiện nay trong bọn học chữ tây được một người thành tài, thì phải một trăm người dở dang như thế.” (*Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn An-Nam được không?*, Thượng-Chi, Nam Phong Avril 1919)

Vì học bằng tiếng Pháp, không biết tiếng Việt, cho nên các thanh niên có học cảm thấy bơ vơ lạc lõng trong chính xã hội họ đang sống, không hiểu được xã hội mà xã hội cũng không hiểu được họ. Sự ngăn cách về văn hóa xảy ra không những với người ngoài mà cả với những người trong cùng gia đình.

“Tôi xin thú thực, cũng lấy làm xấu hổ: tôi đối với kẻ đồng bào tôi bây giờ không thấy gì là cái cảm tình tự nhiên nó giàng buộc với nhau những người cùng nòi cùng giống. Tôi ở trong nước tôi mà hình như một người khách ngoại quốc, không có đồng tình đồng ý gì với phần nhiều đồng bào cả.

“Đối với ngay người nhà tôi, tôi cũng thấy xa cách, dù không xa cách bằng tâm tình, cũng xa cách bằng thần trí. Tôi không phải là người con bạc bẽo bất hiếu. Tôi vẫn thâm cảm cái ơn của cha mẹ tôi đã phải hi sinh biết bao nhiêu để cho tôi học được như bây giờ, cái học đó nó đem tôi đến nông nổi này, tôi thấy mà không lấy gì làm tự cao nữa. Tôi vẫn yêu kính cha mẹ tôi, nhưng tôi đối với cha mẹ tôi, tư tưởng cảm tình không có gì là giống nữa; tôi lý luận, cảm giác khác hẳn cha mẹ tôi; máu là máu của cha mẹ mà tâm tình thấy khác hẳn.” (*Chuyện tâm tình*, Phạm Quỳnh, Nam Phong Mai 1932)

Để đi tìm một giải pháp hóa giải được sự tiêu cực của nền giáo dục Tây-học đương thời, nhà văn Phạm Quỳnh nhắc đến Maurice Barrès, một văn hào Pháp đã chữa căn bệnh tâm thần của thanh niên nước Pháp cuối thế kỷ thứ 19 (1870). Căn bệnh này, Barrès gọi là bệnh “vong-bản” và phương chữa là “phải “bồi-bản”, như cái cây bật rễ, nay phải trồng nó lại, trồng nó vào trong đất nước của tổ tiên, là nơi đã đẻ tạo ra mình, đã như in dấu vết vào trong tâm hồn mình vậy.” (*Chuyện tâm tình*, Phạm Quỳnh)

Phạm Quỳnh khuyên các thanh niên nên theo lời ông Barrès “cam nhận cái thân phận mình – accepter notre conditionnement”, nhận chân cái cốt cách tinh thần của mình.

Ông bảo: “Ta sinh trưởng là người An-Nam, thời sống là người An-Nam, mà chết cũng vẫn là người An-Nam. Đừng có mơ mộng thành ra người khác được; đừng có kiếm cách tự mình không nhận mình được.”

Như thế có nghĩa là cần phải có một cách giáo dục “bồi bản” giúp cho thanh thiếu niên học sinh luôn luôn được thấm nhuần *hồn Đại-Việt* như cái cây được mọc trong môi trường thích hợp với tính chất di truyền của nó.

Nhà thơ Đông-Hồ Lâm Tấn Phác, một người rất thiết tha với văn hóa dân tộc, đã cho rằng vì học bằng tiếng nước người, học văn chương nước người, cho nên thanh niên bị tách rời ra khỏi văn hóa truyền thống dân tộc, xa cách với nòi giống xứ sở.

“Người trong một nước mà không thông chữ của một nước, là không đủ tư cách làm người dân trong nước ấy, đối với người đời trước thì mơ màng lạt lẽo, đối với người một thời thì lơ lảng thờ ơ, trên không chằng dưới không rễ.” (*Gia-đình giáo-dục ký*, Đông-Hồ, Nam Phong Octobre 1926)

Lý do gì đã khiến thi sĩ Đông-Hồ cho rằng ngôn ngữ lại có tính cách thiết yếu như vậy đối với một dân tộc? Hãy nghe thi sĩ giải thích như sau:

“Tiếng ấy là của hương-hỏa từ mấy mươi ngàn đời tổ-tiên ta để lại. Ta nay nên trân-trọng giữ-gìn và bồi-đắp dồi-mài cho thứ tiếng ấy ngày một thêm tốt đẹp phong-phú hơn lên, rồi sau này của hương-hỏa quý-báu ấy ta sẽ để lại cho con cháu ta cho đến thiên-vạn-cổ về sau. Trách-nhiệm ta nặng-nề lớn-lao như thế, nếu ta thờ-ơ chệnh-mảng để cho thứ tiếng nói ấy mà phải tiêu-diệt là ta phải tội với trời đất, với tổ-tiên ta lắm vậy.”

Ngôn ngữ của một dân tộc là lợi khí chuyển giao tư tưởng giữa các thế hệ và giữa những người trong cùng một thế hệ. Ngôn ngữ của mỗi dân tộc cũng biến chuyển theo thời gian cùng với dân tộc đó, ngôn ngữ hợp với dân tộc thành một mối duy nhất cho nên nhà thơ Đông-Hồ cho rằng: “Phàm dân-tộc nào đều có riêng một thứ tiếng, có riêng một thứ chữ, thì mỗi thứ chữ đều có một cái tinh thần riêng, không bao giờ lẫn lộn nhau được (...). Cái tinh thần ấy là cái tinh thần của giang san nòi giống, từ mấy muôn đời chung đúc mà thành, thì chữ và người bao giờ cũng có một mối vô hình ràng buộc nhau, không thể rời bỏ nhau được.”

Vì thế Đông-Hồ chủ trương rằng phải học quốc-ngữ mới có thể giữ được tư cách công dân, và cũng theo ý kiến của ông, người dân trong nước phải học ngôn ngữ của mình trước rồi sau mới học đến những kiến thức khác.

5. Giải pháp cho tình thế đầu thế kỷ thứ 20: Học quốc-ngữ để độc lập về chính trị

Trong thời gian ba mươi năm đầu thế kỷ thứ 20, rất nhiều anh hùng chí sĩ người Việt đã bị chính phủ thuộc địa Pháp bắt giam, xử tử hoặc đày đi xa. Thái Phiên và Trần Cao Văn khởi nghĩa với sự hưởng ứng của vua Duy Tân mà thất bại (1916), Lương Ngọc Quyến phải rút lui ở Thái-Nguyên (1917), Phạm Hồng Thái mưu ám sát Toàn-quyền Merlin không thành (1924), Phan Bội Châu bị bắt giải về nước (1925), Nguyễn Thái Học và Việt-Nam Quốc-dân Đảng chỉ “thành nhân” mà không thành công (1930).

Phạm Quỳnh, chủ bút Nam Phong với bút hiệu Thượng-Chi, đã bàn đến chủ trương ôn hòa trong vấn đề “Văn Hóa và Chính Trị” (Nam Phong Juillet 1926). Ông bảo rằng một nước mà bị mất quyền chính trị thì chỉ có hai cách để lấy lại quyền ấy: một là bạo động, hai là ôn hòa. Nhưng nếu chưa có sức mạnh để bạo động thì nên dùng cách ôn hòa để đòi lại quyền chính trị. Một trong cách ôn hòa là cổ động việc học quốc ngữ để giúp mở mang dân trí và giữ căn bản dân tộc.

Trong nhiều bài viết khác nhau, Phạm Quỳnh đã đưa ra ý kiến rằng quốc-ngữ biểu hiệu cho tinh thần dân tộc. Mỗi dân tộc có tinh thần riêng biểu lộ qua tiếng nói. Có quốc-ngữ thì không phải mượn chữ nước người, vì còn mượn chữ nước người thì tinh thần còn lệ thuộc nước người. Trau dồi quốc-ngữ tất sẽ luyện tập được quốc-văn. Quốc-văn phát đạt, sẽ có nhiều tác phẩm văn học của các tác giả trong nước, từ đó sẽ gây dựng được một nền quốc-học. Có quốc-học, tức là chúng tỏ người mình có thể tự lập về đường tinh thần. Khi đã độc lập về tinh thần thì mới có thể độc lập về chính trị.

Ông cũng tin rằng khi nào mọi người dân trong nước mà thông thạo quốc-ngữ thì không còn sợ mất nước vì ông cho rằng: giữ được tiếng nói tức là giữ được nước.

“Tiếng nói là cái phần cốt yếu làm thành ra một nước một dân. Cho nên xưa nay nước nào dân nào cũng có một thứ tiếng riêng, có dân có nước bờ cõi đã mất quốc thể không còn, mà còn giữ được quốc âm, cũng không đến nỗi tiêu diệt đi được (...). Nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn nước không thể mất được, tiếng nói đã mất nước cũng khó lòng còn.” (*Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn An-Nam được không?*, Nam Phong Avril 1919)

Khi nhìn thấy những phương cách bạo động đã thất bại, Phạm Quỳnh đã đưa ra giải đáp cho bài toán chính trị đương thời. Đó là học quốc-ngữ để giữ được hồn dân tộc và được độc lập về chính trị.

6. Học quốc-ngữ để phát biểu nhân cách của quốc gia dân tộc

Trong thời gian thuộc Pháp, chính phủ thuộc địa Pháp ban hành một chương trình học bằng tiếng Pháp ở cả hai miền Nam và Bắc. Ảnh hưởng của ngôn ngữ Pháp trong thời kỳ này lan rộng rất nhanh trong giới trí thức và những người đi học.

Một trong những người quan tâm đến sự lan tràn của chữ Pháp là Phạm Quỳnh, một người theo Tây-học. Phạm Quỳnh đã cho biết ý kiến của ông trong bài viết “*Chữ Pháp có dùng làm quốc-văn An-Nam được không?*” (Nam Phong Avril 1919)

“Người ta thường nói cái gì làm ra một nước, tức là cái “quốc-hồn”, nhưng quốc-hồn là một mối siêu-hình, nghĩa là một vật mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, phảng phất, mập mờ, không biết lấy gì làm bằng cứ. Quốc-hồn phải có cách gì diễn xuất, biểu lộ ra ngoài thì mới đủ làm nguồn gốc cho sự sinh hoạt một dân một nước. Cách ấy, tức là quốc-âm vậy. Quốc-âm là gì? Quốc-âm là cái tiếng thiên nhiên của một giống người, chỉ có giống ấy mới nói được và có nói bằng tiếng ấy mới hiểu được hết cái tâm tình; hình như tạo vật sinh ra một giống người khiến cho cái lưỡi nó uốn ra một cách riêng mà thành ra một giọng riêng, cái óc nó nghĩ ra một cách riêng mà thành ra một lời riêng, giọng ấy lời ấy người giống khác tuyệt nhiên không thể nào theo cho hết được. Vậy thời quốc-âm là cái mối đặc biệt một giống người với các giống khác; đã là cái mối đặc biệt thời tất là chỉ riêng cho một giống người’ đã riêng cho một giống người thời tất là biểu được hết cái tâm hồn của một giống ấy, không có lẫn với giống khác. Cho nên quốc-âm tức là cái biểu hiệu tự nhiên của quốc-hồn. Quốc-hồn phát hiện ra trong quốc-âm, từ lời ca dao chất thật cho đến giọng diễn thuyết hùng hồn. Muốn biết tính tình một giống người, không gì bằng nghe những giọng hát câu ca trong dân gian: mẹ ru con, vợ khóc chồng, ấy mới thật là cái tiếng thiên nhiên của một giống, tự trong tâm khảm mà ra. Nay ví có người nói cái tiếng ấy không hay, còn có tiếng nước khác hay hơn, người An-Nam không nên ru con bằng tiếng An-Nam, phải nên ru con bằng tiếng tây, tất ai cũng cho là người cuồng vậy.”

Không phải chỉ trong thời gian thuộc Pháp người Việt mới lơ là với tiếng Việt. Trong cả gần nghìn năm thuộc Trung-Hoa, người Việt có tiếng nói mà không có cách viết, phải dùng chữ Hán để ghi chép và diễn đạt tư tưởng. Những giai đoạn nước Việt độc lập, không nội thuộc Trung-Hoa, chương trình học vẫn là học văn chương, triết lý của Trung-Hoa, sách vở dùng vẫn là sách vở của Trung-Hoa. Số người biết sử truyện nước Tàu, thuộc điển cố Tàu, thông thạo học thuật Tàu nhiều hơn là số người hiểu biết về văn hóa Việt. Nước Việt cũng tựa như một phóng ảnh của Trung-Hoa vậy.

Vì không có văn tự để ghi chép lại nên tiếng nói của người Việt bị thất truyền. Những chữ cổ, những câu chuyện xưa, tục ngữ ca dao đời trước vì chỉ có tính cách truyền khẩu nên còn hay mất và thay đổi như thế nào không ai rõ. Nguyễn Văn Mại, tác giả *Việt-Nam Phong-Sử*, cố tìm xuất xứ và thời điểm phát hiện của một số câu tục ngữ phong dao, nhưng thực là một việc khó và có nhiều điểm nghi vấn.

Quốc-ngữ cho người ta cách ghi chép lại những tiếng nói, những lời, những tư tưởng diễn đạt bằng quốc-âm. Nếu quốc-âm, hay là tiếng nói, là biểu hiệu của quốc-hồn thì quốc-ngữ là phương tiện giúp phát biểu quốc-hồn.

“Nếu ai ai cũng biết lấy quốc-âm làm trọng, làm quý, nếu ai ai cũng ra công gắng sức mà tập luyện thì mấy nổi nghèo thành giàu, nôm na thành ra văn vẻ, mà cái tiếng nói của ngót hai mươi triệu con người kia sẽ trở nên một nền văn chương xứng đáng, diễn tả được cái tâm hồn của cả một giống người.” (Phạm Quỳnh)

Với tất cả những sự biện luận ở trên của các nhà văn hóa và văn học thời đó cho rằng

- quốc-ngữ là lợi khí truyền thông
- học quốc-ngữ là chuẩn bị cho tương lai văn học của đất nước
- phải học mới thông thạo

- học quốc-ngữ là đào luyện tư cách làm quốc dân
- học quốc-ngữ để độc lập về chính trị
- quốc-ngữ là phương tiện giúp phát biểu quốc-hồn

Quốc-ngữ đã trở nên thứ ngôn ngữ quan trọng của dân Việt. Ngôn ngữ nào cũng có thể dùng để truyền đạt văn hóa. Nhưng không có thứ chữ nào khác có thể giúp người Việt phát biểu nhân cách quốc gia và tình tự dân tộc thích hợp và rõ ràng hơn chữ quốc-ngữ. Các tác phẩm văn học, một khi đã hiện diện trong lịch sử của dân tộc, đều là những bằng chứng của thời đại và đánh dấu biến chuyển của tâm tư dân tộc theo thời gian. Các nhà văn, các nhà thơ, nếu dùng quốc-ngữ, sẽ có thể trọn vẹn nói lên được những khắc khoải trong tâm tư của mình, và nếu có vì dân tộc mà cảm nghĩ, có vì dân tộc mà viết, sẽ đồng thời nói lên được những khắc khoải trong tâm tư của dân tộc mình.